TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KT
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03- 4 -2023
V/v "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KT, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truyện;

2. Ông Nguyễn Văn Lên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã KT.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KT xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc Nh, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 160, ấp L, xã BH, thị xã KT, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1989.

HKTT: Khu phố 3, Phường 2, thị xã KT, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: Khu phố 5, Phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An.

(Bà Nh có mặt; ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Trúc Nh và phần trình bày của bà Nh trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Bà Nh và ông Phan Văn H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 08/12/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã KT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông H nghiện ma túy, đã từng đi cai nghiện nhưng không bỏ được, ông H cũng thường xuyên đe dọa sẽ đánh đập bà nên bà đã về nhà cha mẹ ở, vợ chồng bỏ nhau 02 năm nay, từ đó đến nay hai bên không có biện pháp để hàn gắn tình cảm nên bà Nh yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn H.

Về con chung: Bà Nh và ông H có 02 con chung tên Phan Ngọc H1, sinh ngày 26/3/2016 và Phan Ngọc H2, sinh ngày 27/9/2017. Hiện các con đang do bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Nh yêu cầu được nuôi con.

Về cấp dưỡng, theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên nay bà thay đổi chỉ yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, nuôi con chung. bị đơn ông H có địa chỉ cư trú tại thị xã KT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã KT theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Nh có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn vắng mặt nên căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định.

[3] Bị đơn ông H đã được cấp, tống đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Bà Nguyễn Thị Trúc Nh và ông Phan Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 08/12/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã KT nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nh đối với ông H, bà Nh cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hòa hợp do chồng bà nghiện ma túy và thường đe dọa nên bà sợ khi gặp mặt chồng. Ông H vắng mặt không có ý kiến trình bày chứng tỏ không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai bên đã không còn sống chung với nhau 02 năm nay. Như vậy hôn nhân giữa bà Nh và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xét xử chấp nhận cho bà Nh được ly hôn với ông H.

[4.2] Về con chung: Bà Nh và ông H có 02 con chung tên Phan Ngọc H1, sinh ngày 26/3/2016 và Phan Ngọc H2, sinh ngày 27/9/2017, hiện đang do bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi bà Nh và ông H không còn sống chung thì cháu Hân và cháu Huỳnh đều do bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Hân đã đủ 07 tuổi có nguyện vọng được tiếp tục ở chung với mẹ. Bị đơn ông H không có ý kiến phản đối về việc này. Do đó để bảo đảm sự ổn định về tâm lý và phát triển bình thường của con chung, Hội đồng xét xử chấp

nhận cho bà Nh được nuôi 02 con chung theo quy định Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, bà Nh yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con theo mức mỗi con 1.000.000 đồng/tháng (cấp dưỡng nuôi 02 con là 2.000.000 đồng/tháng), căn cứ Điều 107, 110 Luật Hôn nhân gia đình quy định nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con, căn cứ mức cấp dưỡng của bà Nh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh, buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nh trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không có ý kiến, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Nh phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Ông H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Trúc Nh với ông Phan Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc Nh được ly hôn với ông Phan Văn H.

Về con chung: Giao con chung tên Phan Ngọc H1, sinh ngày 26/3/2016, giới tính nữ và Phan Ngọc H2, sinh ngày 27/9/2017, giới tính nữ cho bà Nguyễn Thị Trúc Nh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Phan Văn H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Nh có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bà Nh cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà Nh, ông H hoặc cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Phan Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (tổng cộng cấp dưỡng cho hai con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng) thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc Nh phải nộp án phí sơ thẩm tranh chấp về hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000855 ngày 29/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã KT. Bà Nguyễn Thị Trúc Nh đã nộp đủ án phí. Ông Phan Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Trúc Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phan Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tống đạt bản án theo Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã KT;
- Chi cục THADS thị xã KT;
- Các đương sự;
-UBND Phường 2, thị xã KT, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Thị Tuyết Nhung